

BÀI 23

Ý NGHĨA VĂN CHƯƠNG

(Hoài Thanh)

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(HS tự tìm hiểu)

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Đọc văn bản

a. Tác giả :

Hoài thanh (1909-1982), quê Nghệ An tên thật là Nguyễn Đức Nguyên là nhà phê bình văn học.

b. Văn bản :

- XX : Trong bình luận văn chương (1988)

- Thể loại : Nghị luận văn chương.

c. Bố cục : 2 phần.

+ P 1: Từ đầu đến “ muôn loài” => Nguồn gốc cốt yếu của văn chương.

+ P2 : còn lại =>Ý nghĩa và công dụng của văn chương.

2. Tìm hiểu văn bản :

a.Nguồn gốc của văn chương :

- Nguồn gốc cốt yếu của văn chương là lòng thương người và rộng ra thương cả muôn vật, muôn loài.

b. Nội dung nhiệm vụ của văn chương

- Văn chương phản ánh mọi mặt cuộc sống

- Văn chương dự đoán tương lai, gợi niềm tin vào tương lai

-> Văn chương là hình ảnh của sự sống muôn hình vạn trạng, văn chương còn sáng tạo ra sự sống...

c. Công dụng của văn chương :

- Văn chương giúp cho ta tình cảm, gợi lòng vị tha.

“ Một người... hay sao”

- Văn chương gây cho ta tình cảm ta không có, luyện những tình cảm ta sẵn có.

“ Cuộc đời phù phiếm... quá đáng”.

- Đời sống tinh thần của nhân loại sẽ rất nghèo nàn nếu thiếu văn chương.

* Nghệ thuật :

- Luận điểm rõ ràng, luận chứng minh bạch đầy sức thuyết phục.

- Dẫn chứng đa dạng...

- Lời văn giản dị, giàu hình ảnh, cảm xúc.

* Nội dung :

- Văn bản thể hiện quan niệm sâu sắc của nhà văn về văn chương.

* Câu hỏi:

- Trong cuộc sống văn chương có những ảnh hưởng đến em như thế nào ?

Từ đó cho thấy tác dụng, ý nghĩa của văn chương ?

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

(các em tự làm)

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(các em tự làm)

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÀI MỞ RỘNG

(các em tự làm)

BÀI 24

ÔN TẬP VĂN BẢN NGHỊ LUẬN – MỞ RỘNG CÂU

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. Lập bảng thống kê :

| Stt | Tên bài | Tác giả | Đề tài nghị luận | Luận điểm chính | PP lập luận |
|------------|------------------------------------|----------------|---|---|---|
| 1 | Tinh thần yêu nước của nhân dân ta | Hồ Chí Minh | Tinh thần yêu nước của dân tộc Việt Nam | - Dân tộc ta có một lòng nồng nàn yêu nước - Đó là một truyền thống của ta. | Chứng minh |
| 2 | Sự giàu đẹp của tiếng Việt | Đặng Thai Mai | Sự giàu đẹp của tiếng việt | Tiếng việt có những nét đặc sắc của một thứ tiếng đẹp, một thứ tiếng hay. | Chứng minh kết hợp giải thích |
| 3 | Đức tính giản dị của Bác Hồ | Phạm Văn Đồng | Đức tính giản dị của Hồ Chí Minh. | - Sự giản dị trong mọi phương diện của đời sống : Bữa ăn , đồ dùng , cái nhà ,lối sống trong quan hệ với mọi người,lời ăn tiếng nói ,bài viết. | Chứng minh kết hợp giải thích và bình luận. |
| 4 | Ý nghĩa văn chương | Hoài Thanh | Nguồn gốc và ý nghĩa văn chương đối với cuộc sống của con người . | - Thể hiện đời sống tinh thần phong phú của Bác. - Nguồn gốc của văn chương là ở tình thương người ,thương muôn loài, muôn vật. - Văn chương hình dung ra sáng tạo ra sự sống . - Văn chương rèn luyện bồi dưỡng tình cảm cho người đọc. | Chứng minh kết hợp giải thích và bình luận |

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. VĂN NGHỊ LUẬN

Những đặc sắc nghệ thuật của 4 văn bản trên :

| Tên bài | Đặc sắc nghệ thuật |
|------------------------------------|--|
| Tinh thần yêu nước của nhân dân ta | - Bố cục chặt chẽ ,mạch lạc. - Dẫn chứng toàn diện,chọn lọc ,tiêu biểu và sắp xếp theo trình tự thời gian lịch sử khoa học hợp lý . |
| Sự giàu đẹp của tiếng Việt | - Kết hợp chứng minh với giải thích ngắn gọn. - Luận cứ và luận chứng xác đáng toàn diện phong phú chặt chẽ . |
| Đức tính giản dị của Bác Hồ | - Kết hợp chứng minh,giải thích và bình luận ngắn gọn. - Dẫn chứng cụ thể toàn diện đầy sức thuyết phục . - Lời văn thuyết phục tràn đầy nhiệt huyết ,cảm xúc. |
| Ý nghĩa văn chương | - Kết hợp chứng minh, giải thích bình luận ngắn gọn - Trình bày vấn đề phức tạp một cách dung dị ,dễ hiểu. - Lời văn giàu cảm xúc hình ảnh . |

a.Các yếu tố có trong thể loại :

| TT | Thể loại | Yếu tố chủ yếu | Tên bài ,ví dụ |
|----|--------------|---|---|
| 1 | Truyện | - Cốt truyện - Nhân vật - Nhân vật kể chuyện. | - Dế mèn phiêu lưu ký. - Buổi học cuối cùng . - Cây tre Việt Nam. |
| 2 | Ký | - Nhân vật - Nhân vật kể chuyện | |
| 3 | Thơ tự sự | - Cốt truyện - Nhân vật - Nhân vật kể chuyện - Văn nhip. | |
| 4 | Thơ trữ tình | - Văn nhip, nhân vật | |
| 5 | Nghị luận | - Luận cứ. - Luận điểm . | - Tinh thần yêu nước của nhân dân ta . - Sự giàu đẹp của tiếng việt - Đức tính giản dị của Bác Hồ - Ý nghĩa văn chương . |

b. Sự khác nhau giữa văn nghị luận và tự sự trữ tình :

- Tự sự : Dùng phương thức miêu tả ,kể nhằm tái hiện sự vật hiện tượng,con người câu chuyện.

- Trữ tình : Thơ trữ tình ,tuỳ bút chủ yếu dùng phương thức biểu cảm để biểu

hiện tình cảm cảm xúc qua các hình ảnh ,nhịp điệu vần điệu .

- Tự sự và trữ tình tập trung xây dựng các hình tượng nghệ thuật nhân vật

c. Chúng ta có thể nói rằng trời\ sinh lá sen để bao bọc cốm, cũng
C V
như trời\ sinh cốm nằm ủ trong lá sen.
C V

d.Cách mạng tháng tám\ thành công.
C V

- a. Làm chủ ngữ và phụ ngữ trong cụm động từ.(Khiến)
- b. Làm vị ngữ.
- c. Làm phụ ngữ trong cụm động từ(Nói)
- d. Phụ ngữ trong cụm danh từ.

3. TÌM HIỂU CHUNG VỀ PHÉP LẬP LUẬN GIẢI THÍCH

a. Giải thích lòng khiêm tốn

- MB : “ Lòng khiêm tốn.. sự vật”: -> Nêu vấn đề cần giải thích bằng cách nêu định nghĩa.

- TB : - Đoạn 1: Nhấn mạnh vai trò giá trị của khiêm tốn và con người khiêm tốn.(chỉ dùng lí lẽ -> không dùng dẫn chứng) (đoạn chuyển MB -> TB)

Đ 2: (luận cứ 1): Định nghĩa khiêm tốn, người ko khiêm tốn -> dùng lí lẽ.

Đ 3: Liệt kê những biểu hiện của người khiêm tốn.

Đ 4: (luận cứ 2): lí do tại sao con người phải khiêm tốn.

- KB: Khẳng định những gì đã giải thích trên, đồng thời nhấn mạnh ý nghĩa toàn diện của con người khiêm tốn.

- Định nghĩa khiêm tốn

- Biểu hiện của người khiêm tốn

- Lí do tại sao con người phải khiêm tốn.

- Nhằm nâng cao trí tuệ con người.....

- Phép lập luận giải thích là làm cho người đọc hiểu rõ các tư tưởng , đạo lí, phẩm chất... cần được giải thích nhằm nâng cao nhận thức, trí tuệ , bồi dưỡng tình cảm.

- Các phương pháp giải thích : nêu định nghĩa, kể ra các biểu hiện, so sánh , đối chiếu với các hiện tượng khác, chỉ ra các mặt lợi , hại , nguyên nhân, hậu quả của hiện tượng hoặc vấn đề được giải thích.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

(các em tự làm)

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(các em tự làm)

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÀI MỞ RỘNG

(các em tự làm)